



The figure consists of three maps of the same geographical area, labeled 1, 2, and 3.

- Map 1 (Left):** Titled "ELEVATION GUIDE CHỈ DẪN CAO ĐỘ". It shows a topographic map with elevation contours. A legend indicates "HIGH" (dark green) and "LOW" (light green). Text below the map states: "GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET HỖI-TỶ ĐƯỜNG NẾU Ở VƯƠNG TRINH Ở TRUNG-TÂM BẢN-ĐỒ 075° 51 MILES. HILL".
- Map 2 (Middle):** Titled "BOUNDARIES NHỮNG ĐỊA GIỚI". It shows the same area with dashed lines representing boundaries. A legend indicates "HIGH" (dark green) and "LOW" (light green). Text below the map states: "Trung Phần Hồn-Giới-Tri 1. Quốc Trùng Lương 2. Quốc Gia Linh 3. Quốc Gia Lộ 4. Quốc Trùng Phong 5. Quốc Hải Linh 6. Quốc Hải-Ling".
- Map 3 (Right):** Titled "ADJOINING SHEETS BẢNG RÁP ĐỊA ĐỒ". It shows a grid of sheets. The central sheet is 6342 I. Other sheets shown are 6343 II, 6342 II, 6342 III, 6342 IV, 6342 V, 6342 VI, 6342 VII, 6342 VIII, 6342 IX, 6342 X, 6342 XI, 6342 XII, 6342 XIII, 6342 XIV, 6342 XV, 6342 XVI, 6342 XVII, 6342 XVIII, 6342 XIX, 6342 XX, 6342 XXI, 6342 XXII, 6342 XXIII, 6342 XXIV, 6342 XXV, 6342 XXVI, 6342 XXVII, 6342 XXVIII, 6342 XXIX, 6342 XXX, 6342 XXXI, 6342 XXXII, 6342 XXXIII, 6342 XXXIV, 6342 XXXV, 6342 XXXVI, 6342 XXXVII, 6342 XXXVIII, 6342 XXXIX, 6342 XL, 6342 XLI, 6342 XLII, 6342 XLIII, 6342 XLIV, 6342 XLV, 6342 XLVI, 6342 XLVII, 6342 XLVIII, 6342 XLIX, 6342 L, 6342 LI, 6342 LII, 6342 LIII, 6342 LIV, 6342 LV, 6342 LVI, 6342 LVII, 6342 LVIII, 6342 LVIX, 6342 LX, 6342 LXI, 6342 LXII, 6342 LXIII, 6342 LXIV, 6342 LXV, 6342 LXVI, 6342 LXVII, 6342 LXVIII, 6342 LXIX, 6342 LXX, 6342 LXXI, 6342 LXXII, 6342 LXXIII, 6342 LXXIV, 6342 LXXV, 6342 LXXVI, 6342 LXXVII, 6342 LXXVIII, 6342 LXXIX, 6342 LXXX, 6342 LXXXI, 6342 LXXXII, 6342 LXXXIII, 6342 LXXXIV, 6342 LXXXV, 6342 LXXXVI, 6342 LXXXVII, 6342 LXXXVIII, 6342 LXXXIX, 6342 XL, 6342 XLI, 6342 XLII, 6342 XLIII, 6342 XLIV, 6342 XLV, 6342 XLVI, 6342 XLVII, 6342 XLVIII, 6342 XLIX, 6342 L, 6342 LI, 6342 LII, 6342 LIII, 6342 LIV, 6342 LV, 6342 LVI, 6342 LVII, 6342 LVIII, 6342 LVIX, 6342 LX, 6342 LXI, 6342 LXII, 6342 LXIII, 6342 LXIV, 6342 LXV, 6342 LXVI, 6342 LXVII, 6342 LXVIII, 6342 LXIX, 6342 LXX, 6342 LXXI, 6342 LXXII, 6342 LXXIII, 6342 LXXIV, 6342 LXXV, 6342 LXXVI, 6342 LXXVII, 6342 LXXVIII, 6342 LXXIX, 6342 LXXX, 6342 LXXXI, 6342 LXXXII, 6342 LXXXIII, 6342 LXXXIV, 6342 LXXXV, 6342 LXXXVI, 6342 LXXXVII, 6342 LXXXVIII, 6342 LXXXIX, 6342 XL, 6342 XLI, 6342 XLII, 6342 XLIII, 6342 XLIV, 6342 XLV, 6342 XLVI, 6342 XLVII, 6342 XLVIII, 6342 XLIX, 6342 L, 6342 LI, 6342 LII, 6342 LIII, 6342 LIV, 6342 LV, 6342 LVI, 6342 LVII, 6342 LVIII, 6342 LVIX, 6342 LX, 6342 LXI, 6342 LXII, 6342 LXIII, 6342 LXIV, 6342 LXV, 6342 LXVI, 6342 LXVII, 6342 LXVIII, 6342 LXIX, 6342 LXX, 6342 LXXI, 6342 LXXII, 6342 LXXIII, 6342 LXXIV, 6342 LXXV, 6342 LXXVI, 6342 LXXVII, 6342 LXXVIII, 6342 LXXIX, 6342 LXXX, 6342 LXXXI, 6342 LXXXII, 6342 LXXXIII, 6342 LXXXIV, 6342 LXXXV, 6342 LXXXVI, 6342 LXXXVII, 6342 LXXXVIII, 6342 LXXXIX, 6342 XL, 6342 XLI, 6342 XLII, 6342 XLIII, 6342 XLIV, 6342 XLV, 6342 XLVI, 6342 XLVII, 6342 XLVIII, 6342 XLIX, 6342 L, 6342 LI, 6342 LII, 6342 LIII, 6342 LIV, 6342 LV, 6342 LVI, 6342 LVII, 6342 LVIII, 6342 LVIX, 6342 LX, 6342 LXI, 6342 LXII, 6342 LXIII, 6342 LXIV, 6342 LXV, 6342 LXVI, 6342 LXVII, 6342 LXVIII, 6342 LXIX, 6342 LXX, 6342 LXXI, 6342 LXXII, 6342 LXXIII, 6342 LXXIV, 6342 LXXV, 6342 LXXVI, 6342 LXXVII, 6342 LXXVIII, 6342 LXXIX, 6342 LXXX, 6342 LXXXI, 6342 LXXXII, 6342 LXXXIII, 6342 LXXXIV, 6342 LXXXV, 6342 LXXXVI, 6342 LXXXVII, 6342 LXXXVIII, 6342 LXXXIX, 6342 XL, 6342 XLI, 6342 XLII, 6342 XLIII, 6342 XLIV, 6342 XLV, 6342 XLVI, 6342 XLVII, 6342 XLVIII, 6342 XLIX, 6342 L, 6342 LI, 6342 LII, 6342 LIII, 6342 LIV, 6342 LV, 6342 LVI, 6342 LVII, 6342 LVIII, 6342 LVIX, 6342 LX, 6342 LXI, 6342 LXII, 6342 LXIII, 6342 LXIV, 6342 LXV, 6342 LXVI, 6342 LXVII, 6342 LXVIII, 6342 LXIX, 6342 LXX, 6342 LXXI, 6342 LXXII, 6342 LXXIII, 6342 LXXIV, 6342 LXXV, 6342 LXXVI, 6342 LXXVII, 6342 LXXVIII, 6342 LXXIX, 6342 LXXX, 6342 LXXXI, 6342 LXXXII, 6342 LXXXIII, 6342 LXXXIV, 6342 LXXXV, 6342 LXXXVI, 6342 LXXXVII, 6342 LXXXVIII, 6342 LXXXIX, 6342 XL, 6342 XLI, 6342 XLII, 6342 XLIII, 6342 XLIV, 6342 XLV, 6342 XLVI, 6342 XLVII, 6342 XLVIII, 6342 XLIX, 6342 L, 6342 LI, 6342 LII, 6342 LIII, 6342 LIV, 6342 LV, 6342 LVI, 6342 LVII, 6342 LVIII, 6342 LVIX, 6342 LX, 6342 LXI, 6342 LXII, 6342 LXIII, 6342 LXIV, 6342 LXV, 6342 LXVI, 6342 LXVII, 6342 LXVIII, 6342 LXIX, 6342 LXX, 6342 LXXI, 6342 LXXII, 6342 LXXIII, 6342 LXXIV, 6342 LXXV, 6342 LXXVI, 6342 LXXVII, 6342 LXXVIII, 6342 LXXIX, 6342 LXXX, 6342 LXXXI, 6342 LXXXII, 6342 LXXXIII, 6342 LXXXIV, 6342 LXXXV, 6342 LXXXVI, 6342 LXXXVII, 6342 LXXXVIII, 6342 LXXXIX, 6342 XL, 6342 XLI, 6342 XLII, 6342 XLIII, 6342 XLIV, 6342 XLV, 6342 XLVI, 6342 XLVII, 6342 XLVIII, 6342 XLIX, 6342 L, 6342 LI, 6342 LII, 6342 LIII, 6342 LIV, 6342 LV, 6342 LVI, 6342 LVII, 6342 LVIII, 6342 LVIX, 6342 LX, 6342 LXI, 6342 LXII, 6342 LXIII, 6342 LXIV, 6342 LXV, 6342 LXVI, 6342 LXVII, 6342 LXVIII, 6342 LXIX, 6342 LXX, 6342 LXXI, 6342 LXXII, 6342 LXXIII, 6342 LXXIV, 6342 LXXV, 6342 LXXVI, 6342 LXXVII, 6342 LXXVIII, 6342 LXXIX, 6342 LXXX, 6342 LXXXI, 6342 LXXXII, 6342 LXXXIII, 6342 LXXXIV, 6342 LXXXV, 6342 LXXXVI, 6342 LXXXVII, 6342 LXXXVIII, 6342 LXXXIX, 6342 XL, 6342 XLI, 6342 XLII, 6342 XLIII, 6342 XLIV, 6342 XLV, 6342 XLVI, 6342 XLVII, 6342 XLVIII, 6342 XLIX, 6342 L, 6342 LI, 6342 LII, 6342 LIII, 6342 LIV, 6342 LV, 6342 LVI, 6342 LVII, 6342 LVIII, 6342 LVIX, 6342 LX, 6342 LXI, 6342 LXII, 6342 LXIII, 6342 LXIV, 6342 LXV, 6342 LXVI, 6342 LXVII, 6342 LXVIII, 6342 LXIX, 6342 LXX, 6342 LXXI, 6342 LXXII, 6342 LXXIII, 6342 LXXIV, 6342 LXXV, 6342 LXXVI, 6342 LXXVII, 6342 LXXVIII, 6342 LXXIX, 6342 LXXX, 6342 LXXXI, 6342 LXXXII, 6342 LXXXIII, 6342 LXXXIV, 6342 LXXXV, 6342 LXXXVI, 6342 LXXXVII, 6342 LXXXVIII, 6342 LXXXIX, 6342 XL, 6342 XLI, 6342 XLII, 6342 XLIII, 6342 XLIV, 6342 XLV, 6342 XLVI, 6342 XLVII, 6342 XLVIII, 6342 XLIX, 6342 L, 6342 LI, 6342 LII, 6342 LIII, 6342 LIV, 6342 LV, 6342 LVI,

EVEREST	KHOẢNG ĐỀU ĐỤC	EVEREST
1,000 METER UTM. ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)	0 NGƯỜI	LƯN TỪNG 1,000 MÊT. KHU HÌNH TRỤY 48
TRANSVERSE INDICATOR	HỆ-THỐNG CHỈ DẪN	(NHƯNG ĐƯỜNG CỎ CHỈ 30 ĐẾN)
APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL	NHƯNG ĐƯỜNG CHỈ DẪN	Ư. M. T.
INDIAN DATUM	HỆ-THỐNG TRẮC CẦU CHỈ DẪN	MẶT BẰNG TRUNG BÌNH PHỐN CHỈ DẪN

PREPARED BY	U. S. ARMY TOPOGRAPHIC COMMAND (TPC)
NAMES BY	NGS, VIETNAM
CONTROL BY	NGS, VIETNAM
COASTAL HYDROGRAPHY FROM	NUOCCANG CHARTS

XIN CỨU NHỮNG SỬA ĐỔI CỦA BẢN BẰNG HẸN NHA NHÀ BẠC DƯ QUỐC GIA - DALAT

USERS ARE URGED TO REFER CORRECTIONS AND COMMENTS FOR INCREASING THE
 USEFULNESS OF THIS MAP TO DAJA TOPOGRAPHIC CENTER WASHINGTON, DC, 20315.

THE DELINEATION OF INTERNATIONAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES ON THIS MAP IS APPROXIMATE

RANH GIỚI HẠN-CHANH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHẠCH-HOẠ VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CUONG

GLOSSARY--CỎ TỪ

An		village
Chợ		market
Cao		estuary
Dãy		mountain
Hồ		stream
Khe		stream
Làng		settlement
Núi		hill
Phu		village
Phườn		village
Sông		river, stream
Thôn		settlement, village
X. Xóm		vham

GRID CONVERGENCE
FOR CENTER OF SHEET

HƯỚNG DẪN ĐƠN VỊ 0 ĐƯỜNG
TRINH - TÂN BẮC ĐƯỜNG
0737' (11 MILES) NAD 83

LOW

TO CONVERT A
MAGNETIC AZIMUTH
TO A GRID AZIMUTH
SUBTRACT G M ANGLE

MŨN BỒI
PHƯƠNG-GIÁC TỶ THẦN
PHƯƠNG-GIÁC 0 ĐƯỜNG
TRỊ GỐC V-T

TO CONVERT A
GRID AZIMUTH TO A
MAGNETIC AZIMUTH
ADD G M ANGLE

MŨN BỒI
PHƯƠNG-GIÁC TỶ THẦN
PHƯƠNG-GIÁC TỶ
CỘNG THẦN GỐC V-T

TO SET A STANDARD REFERENCE
ON THIS SHEET TO MEASURE IN METERS

ĐIỂM MẪU

1. Chọn điểm chuẩn, 1/2 dặm hoặc
hàng dặm, để đo khoảng cách
đến các điểm khác. Chọn một
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm.

2. Chọn điểm chuẩn, 1/2 dặm hoặc
hàng dặm, để đo khoảng cách
đến các điểm khác. Chọn một
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm.

3. Chọn điểm chuẩn, 1/2 dặm hoặc
hàng dặm, để đo khoảng cách
đến các điểm khác. Chọn một
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm.

TO SET A STANDARD REFERENCE
ON THIS SHEET TO MEASURE IN METERS

ĐIỂM MẪU

1. Chọn điểm chuẩn, 1/2 dặm hoặc
hàng dặm, để đo khoảng cách
đến các điểm khác. Chọn một
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm.

2. Chọn điểm chuẩn, 1/2 dặm hoặc
hàng dặm, để đo khoảng cách
đến các điểm khác. Chọn một
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm.

3. Chọn điểm chuẩn, 1/2 dặm hoặc
hàng dặm, để đo khoảng cách
đến các điểm khác. Chọn một
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm.

TO SET A STANDARD REFERENCE
ON THIS SHEET TO MEASURE IN METERS

ĐIỂM MẪU

1. Chọn điểm chuẩn, 1/2 dặm hoặc
hàng dặm, để đo khoảng cách
đến các điểm khác. Chọn một
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm.

2. Chọn điểm chuẩn, 1/2 dặm hoặc
hàng dặm, để đo khoảng cách
đến các điểm khác. Chọn một
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm.

3. Chọn điểm chuẩn, 1/2 dặm hoặc
hàng dặm, để đo khoảng cách
đến các điểm khác. Chọn một
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm. Chọn
điểm gần một dặm hoặc 1/2 dặm.